

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ BÔNG
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 04/2021/DS - ST

Ngày 30 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ BÔNG, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông N C D.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đ H D;

2. Ông N T T.

Thư ký phiên tòa: Ông H V T là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Bông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn N T - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2021/TLST- DS ngày 02 tháng 8 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 560/2021/QĐXXST- DS, ngày 07 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2021/QĐST- DS, ngày 24 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị H T P, sinh năm: 1985; địa chỉ: Đội 2, thôn B T, xã T, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* Chị T T T N, sinh năm 1987; địa chỉ: Đội 2, thôn Bình Thanh, xã Trà Bình, huyện Trà Bông, tỉnh Quảng Ngãi.

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị H T P trình bày:

Ngày 05 tháng 3 năm 2020 chị T Thị T N có mượn số tiền của tôi là 350.000.000 đồng, mục đích sử dụng làm gì thì tôi không biết, vì là chỗ quen biết nên tôi mới cho mượn. Tại thời điểm chị Nguyệt mượn tiền, chị N nói, hứa hẹn với tôi đến ngày 30 tháng 4 năm 2020 (AL), tức là ngày 25 tháng 5 năm 2020 chị trả trước số tiền là 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 300.000.000 đồng sẽ trả vào ngày 30 tháng 11 năm 2020 (AL), tức là ngày 12 tháng 01 năm 2021 trả dứt điểm.

Tuy nhiên đến ngày hẹn nói trên tôi xuống nhà thì chị N, thì chị T T T N không trả nợ theo đúng cam kết, mặc dù tôi (Pháp) đã nhiều lần yêu cầu chị Nguyệt thanh toán nợ. Trước khi tôi (P) nộp đơn khởi kiện ra Tòa án thì tôi đã thường xuyên nhiều lần đến nhà chị Nguyệt để yêu cầu chị N trả nợ, nhưng chị N

và chồng chị N đã bỏ đi khỏi địa phương không báo cho chị Pháp biết về nơi cư trú mới còn ở tại địa phương, chị P không biết hiện nay chị N đang ở đâu, làm gì;

Nay chị Huỳnh Thị Pháp yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị N phải trả cho chị H T P số tiền nợ gốc là: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

** Bị đơn chị Trần Thị Thu Nguyệt: Quá trình giải quyết vụ án, chị N đã được Tòa án tiến hành niêm yết công khai hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt.*

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đúng theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào: Điều 26, Điều 35; Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 244, Điều 271 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự; khoản; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, tuyên buộc *chị N* trả số tiền nợ gốc: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*),

- Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là tranh chấp về dân sự phát sinh theo thỏa thuận giữa chị P và chị N về hợp đồng dân sự vay số tiền giữa cá nhân và cá nhân. Do vậy, quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Đây là tranh chấp về dân sự giữa chị P và chị N, có địa chỉ tại: xã T B, huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi. Tòa án nhân dân huyện Trà Bồng thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt: Chị P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn sau khi xác lập giấy mượn tiền, chị N bỏ đi khỏi địa phương không thực hiện nghĩa vụ về việc thông báo cho chị P biết nơi cư trú mới. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ tất cả các Thông báo, Giấy triệu tập cho bị đơn.

Xét nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ cư trú của bị đơn - Chị N, đúng địa chỉ của bị đơn và sổ hộ khẩu là đúng quy định tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án đã tiến hành xác minh và được biết chị N hiện không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ. Việc chị N không có mặt tại địa phương và thay đổi

nơi cư trú mà không thông báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, được xem là cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ, niêm yết các văn bản tố tụng cho chị Nguyệt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyệt là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc chị N phải trả cho chị P số tiền vay nợ gốc: 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*), theo giấy mượn tiền ngày 05/3/2020;

Tại kết luận giám định số: 715/KLGĐ – PC09 ngày 09 tháng 8 năm 2021 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi xác định chữ ký và chữ viết tại giấy mượn tiền đề ngày 05/3/2020 là truy nguyên đồng nhất do cùng một người ký, viết ra; do đó giấy mượn tiền do chị P cung cấp cho Tòa án là chị N lập, đủ sơ sở xác định việc mượn tiền là có thật, giao dịch dân sự giữa chị P và chị N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, chủ thể có đủ đầy năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự; mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, giao dịch dân sự được xác lập bằng văn bản nên giao dịch dân sự này có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 117, 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; quá trình thực hiện vay mượn chị Nguyệt vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ của bên vay, mượn. Hiện số tiền gốc chị Nguyệt còn nợ chị P là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*). Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị P là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Ý kiến của đại diện VKS phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Hoàn trả lại chị P theo số tiền tạm ứng án phí do chị P đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2018/0004257 ngày 02 tháng 8 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Bồng, tỉnh Quảng Ngãi.

[5] Chi phí tố tụng: 3.000.000 đồng chị N phải chịu; Buộc chị Nguyệt phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị P số tiền tạm ứng chi phí giám định 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) do chị P đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 161, 244, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 40, 117, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án
Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị P về việc tranh chấp hợp đồng
vay tài sản với chị N.

Tuyên xử:

1. Buộc chị N phải có trách nhiệm trả cho chị P số tiền nợ gốc 350.000.000 đồng (*Ba trăm, năm mươi triệu đồng*);
2. Về án phí DSST: Chị N phải chịu 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng);
3. Chi phí tố tụng khác: Buộc chị N phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị P số tiền tạm ứng chi phí giám định 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) do chị P đã nộp.

Kể từ ngày chị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N không chịu trả số tiền nêu trên thì chị N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành án xong, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án; quyền được yêu cầu công bố hay không công bố bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Trà Bồng;
- CCTHADS huyện Trà Bồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

